

Số: /KH-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1630/QĐ-BNN-KTHT ngày 11/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1920/SNN-PTNT ngày 18/6/2024; trên cơ sở biểu quyết thống nhất của Thành viên UBND tỉnh (thực hiện trên hệ thống điện tử TD và văn bản giấy), UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành nghề nông thôn nhằm phát huy tiềm năng của khu vực nông thôn, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân; góp phần bảo vệ môi trường, tôn tạo, giữ gìn cảnh quan, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển kinh tế nông thôn gắn với mục tiêu nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

2. Mục tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành nghề nông thôn đạt khoảng 6%-7%/năm.
- Thu nhập bình quân lao động trong các hoạt động ngành nghề nông thôn tăng gấp 2,5 lần so với năm 2020.
- Duy trì và phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận, phấn đấu đến năm 2030 giá trị sản xuất của các làng nghề, làng nghề truyền thống đạt trên 1.800 tỷ đồng.
- Tỷ lệ lao động trong khu vực ngành nghề nông thôn được đào tạo nghề tăng lên từ 10% đến 20%;
- Thu hút được khoảng 30.000 lao động thường xuyên trong các hoạt động ngành nghề nông thôn.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Ngành nghề nông thôn tiếp tục là hoạt động trọng tâm nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế mang lại thu nhập cao và giải quyết việc làm, góp phần vào tăng trưởng chung của địa phương.
- Đẩy mạnh phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng bền vững, tích

hợp đa giá trị, thông minh, thân thiện với môi trường, gắn với xây dựng không gian nông thôn xanh, sạch, đẹp; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử và truyền thống của các địa phương.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Định hướng phát triển theo nhóm ngành nghề nông thôn

a) Nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất theo hướng quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, máy móc, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh để nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm và đảm bảo vệ sinh môi trường. Đa dạng hoá các sản phẩm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản trong đó tập trung vào các sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống, sản phẩm OCOP; kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại để bảo tồn, phát huy các sản phẩm đặc trưng, truyền thống, mang bản sắc vùng, miền của địa phương, xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn như VietGap, HACCP nhằm nâng cao chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần tăng sức cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, hướng đến thị trường xuất khẩu.

b) Nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ

Trên cơ sở nghề thủ công truyền thống đã có, khuyến khích nghiên cứu, phát triển vào các ngành nghề sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ tại xã Thanh Bình Thịnh, Trường Sơn, Liên Minh huyện Đức Thọ, xã Xuân Phổ huyện Nghi Xuân; sản xuất mây tre đan mỹ nghệ, nón mỹ nghệ tại các xã An Hòa Thịnh, thị trấn Phố Châu huyện Hương Sơn; xã Thạch Long, Việt Tiến, Thạch Liên huyện Thạch Hà; xã Kỳ Thu, xã Lâm Hợp huyện Kỳ Anh, xã Cẩm Sơn huyện Cẩm Xuyên; sản xuất các sản phẩm trầm hương tại xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê.

- Cùng cố, thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất để cung cấp nguyên liệu, vốn, tổ chức sản xuất và bao tiêu sản phẩm cho các thành viên. Hỗ trợ, khuyến khích tiếp cận máy móc, công nghệ thiết bị hiện đại trong gia công điêu khắc mỹ nghệ để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Triển khai thực hiện công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ”. Tạo điều kiện hỗ trợ nghệ nhân, thợ giỏi và người lao động tham gia các khoá học thiết kế mẫu mã, tạo hình, phối màu, phối hợp chất liệu trong sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

c) Nhóm xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn

- Nâng cao năng lực các cơ sở xử lý, chế biến tạo ra các loại nguyên liệu mới, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành nghề nông thôn; nhất là sản xuất nguyên liệu tái chế, thân thiện với môi trường và thay thế cho nguyên liệu nhập khẩu.

- Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn được cấp chứng chỉ bền vững gắn với các nhà máy sơ chế, chế biến, sản xuất các sản phẩm ngành nghề nông thôn, giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Hình thành các điểm sơ chế, chế biến các nguyên liệu cung cấp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

d) Nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ

- Tập trung sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, có tính thương mại cao đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng một số mặt hàng có tiềm năng như: sản phẩm mây, tre và gỗ mỹ nghệ,... Đồng thời, đẩy mạnh nghiên cứu thiết kế mẫu mã, phát triển các sản phẩm mới, xây dựng thương hiệu, dấu hiệu nhận diện và phù hợp thị hiếu, văn hóa người tiêu dùng trong và ngoài nước; phát triển sản xuất theo hướng làm quà tặng, đồ lưu niệm phục vụ đối tượng khách du lịch.

+ Duy trì và phát triển ngành nghề sản xuất đồ gỗ tập trung chủ yếu ở các xã Thanh Bình Thịnh, Trường Sơn huyện Đức Thọ, xã Khánh Vĩnh Yên huyện Can Lộc... Nón lá tập trung phát triển ở các xã Việt Tiến huyện Thạch Hà; xã Kỳ Thư huyện Kỳ Anh. Chổi đót tập trung phát triển ở các xã Thạch Mỹ huyện Lộc Hà, xã Sơn Trường huyện Hương Sơn. Đan lát tập trung phát triển ở các xã Thạch Long, Thạch Liên huyện Thạch Hà; khuyến khích thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác để bao tiêu sản phẩm cho người dân.

+ Phát triển nghề rèn đúc tại thị xã Hồng Lĩnh. Phát triển cơ khí hàn xì, sản xuất khung định hình, sửa chữa máy và thiết bị dùng trong nông nghiệp trên toàn tỉnh, khuyến khích cơ sở nâng cao chất lượng, mẫu mã phù hợp với thị hiếu người dùng, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Xây dựng ở mỗi huyện, thành phố, thị xã từ 01 đến 02 cơ sở làm nòng cốt cho sản xuất sửa chữa cơ khí tại địa phương để hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

- Phát triển các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để đưa các cơ sở sản xuất kinh doanh tại khu vực nông thôn vào khu sản xuất tập trung để xử lý môi trường và mở rộng sản xuất, kinh doanh.

đ) Nhóm sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh

- Hình thành, phát triển các vùng chuyên canh sản xuất, kinh doanh hoa ở các làng nghề trên địa bàn các huyện như: Thạch Hà, Nghi Xuân, thị xã Kỳ Anh...; các cơ sở sản xuất, kinh doanh chế tác đá cảnh, gỗ cảnh, cây cảnh...

- Phát triển các vùng, làng nghề gắn với các hoạt động du lịch, tham quan, trải nghiệm và chụp ảnh lưu niệm.

- Đa dạng các sản phẩm mới, độc đáo phù hợp với văn hoá, nhu cầu của người dân; nghiên cứu, nhân giống, lai tạo, thiết kế và chế tác tạo các sản phẩm đặc sắc nhưng vẫn giữ được nét văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

e) Nhóm sản xuất muối

Nâng cấp cơ sở hạ tầng nhằm phát triển các làng nghề sản xuất muối ở các xã Thạch Châu, Hộ Độ (huyện Lộc Hà), xã Kỳ Hà (thị xã Kỳ Anh), xã Đỉnh Bàn (huyện Thạch Hà); nâng cao chất lượng muối tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, tiến tới sản xuất muối bằng phương pháp trải bạt, hỗ trợ thành lập Hợp tác xã sản xuất muối để bao tiêu sản phẩm cho người nông dân.

f) Nhóm dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn

Hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác, cá nhân cung cấp các dịch vụ nông thôn phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của người dân. Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ nông thôn: dịch vụ sản xuất nông nghiệp, buôn bán, dịch vụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt nông thôn; dịch vụ ăn uống, giải khát, văn hóa,

nghệ thuật... Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp như làm đất, thu hoạch, cuốn rơm, vận chuyển vật tư phân bón và các dịch vụ sau thu hoạch như phơi sấy, chế biến sản phẩm nhằm giảm bớt sức lao động cho người dân. Chú trọng phát triển các dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân nông thôn.

2. Bảo tồn và phát triển làng nghề

- Tập trung bảo tồn, khôi phục các làng nghề, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền, gắn với du lịch; xây dựng kênh phân phối, giới thiệu sản phẩm làng nghề; phong tặng, tôn vinh và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi, người lao động trong các làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Ưu tiên thành lập các hội, hiệp hội nghề ở các địa phương, các trung tâm đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề; hỗ trợ thiết kế mẫu mã, hoàn thiện sản phẩm, thông tin thị trường phục vụ bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề.

3. Xúc tiến thương mại, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Hướng dẫn các cơ sở làng nghề tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, hỗ trợ tham gia các Hội chợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý; xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các chợ, cửa hàng, trung tâm thương mại, các tuyến du lịch, điểm du lịch để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm ngành nghề.

- Thông qua các sự kiện lớn của tỉnh: Lễ hội Cam và sản phẩm nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh,... lồng ghép, tổ chức trưng bày, quảng bá, xúc tiến thương mại, trao đổi kinh nghiệm về phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

- Kết nối tiêu thụ sản phẩm với các thành phố lớn: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Duyên hải Miền Trung; xây dựng các chương trình du lịch nông thôn, du lịch làng nghề để giới thiệu các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

- Đa dạng hoá các sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường như: Trung Quốc, Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc...; mở rộng sang các thị trường tiềm năng khu vực Trung Đông, Mỹ La tinh, Châu Phi.

4. Phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề gắn với bảo vệ môi trường

- Phát triển du lịch nông thôn, du lịch làng nghề theo hướng bền vững trên cơ sở phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tính độc đáo làng nghề, các hoạt động trải nghiệm nông nghiệp và môi trường sinh thái đặc trưng khu vực nông thôn nhằm đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch. Ưu tiên đầu tư xây dựng, phát triển cảnh quan nông thôn gắn với các điểm du lịch, khu du lịch sinh thái, phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên

- Tập trung di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu dân cư vào cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung. Giữ gìn cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, bảo đảm xanh, sạch đẹp và thân thiện môi trường.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân và xã hội về vai trò và tầm quan trọng của việc phát triển ngành nghề nông thôn. Đẩy mạnh truyền thông, khuyến khích liên kết, thu hút các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư cho các hoạt động phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Tổ chức lại sản xuất ngành nghề nông thôn

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tiếp cận thị trường, nguồn vốn, mua sắm máy móc, tích tụ đất đai, áp dụng công nghệ để phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng quy mô sản xuất. Tiếp tục đổi mới và nhân rộng các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt, hợp tác xã là trung gian giữa doanh nghiệp và người dân.

- Ứng dụng cơ giới hoá, công nghệ thông tin, máy móc, thiết bị vào sản xuất theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Đặc biệt ưu tiên đổi mới với các công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường và phù hợp đặc điểm từng nhóm ngành nghề nông thôn.

- Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề. Gắn sản phẩm ngành nghề nông thôn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm; xây dựng các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp trong sản xuất kinh doanh lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Hoàn thiện các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo quy hoạch để tiếp nhận các cơ sở hoạt động ngành nghề nông thôn.

3. Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung

- Hỗ trợ đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định để cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở ngành nghề, làng nghề; tập trung vào các ngành nghề mũi nhọn cần ưu tiên như: Trồng hoa, đồ gỗ dân dụng, đồ thủ công mỹ nghệ ... chú trọng phát triển các ngành nghề truyền thống như: Rèn thủ công, cơ khí nhỏ, đan lát... khuyến khích mở rộng các ngành nghề mới tại địa phương như: Sinh vật cảnh, mây tre đan...

- Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn, có chứng chỉ bền vững, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng trong vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất, khai thác, sơ chế, chế biến; nghiên cứu, chọn tạo, công nhận chuyển giao các loại giống mới, năng suất cao, đảm bảo chất lượng.

4. Phát triển nguồn nhân lực

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Đào tạo nâng cao tay nghề; bổ sung các kiến thức về khoa học công nghệ, quy trình sản xuất, công nghệ thông tin, thiết kế, đổi mới mẫu mã sản phẩm cho người lao động. Ưu tiên đào tạo lao động tại doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, vùng nguyên liệu tập trung, cụm công nghiệp.

- Xây dựng mô hình liên kết đào tạo giữa các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Đào tạo nâng cao nghề, chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang các hoạt động ngành nghề nông thôn.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các nghệ nhân, thợ giỏi tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học, thiết kế mẫu mã sản phẩm và xu hướng thị trường. Đồng thời, tham gia đào tạo, truyền nghề cho người lao động trong các làng nghề.

5. Phát triển thị trường và hội nhập quốc tế

- Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài nhằm phát triển tốt về công nghệ, thị trường; tạo mọi điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư để phát triển ngành nghề.

- Tổ chức và tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm trong nước và quốc tế; đăng ký thương hiệu, mẫu mã, bao bì, chất lượng sản phẩm,... Thành lập các hội làng nghề, tăng cường quản lý thị trường.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất đưa các sản phẩm lên hệ thống phân phối, trung tâm thương mại, siêu thị, điểm du lịch, kênh thương mại điện tử.

- Hỗ trợ chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ về thiết kế mẫu mã, chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm.

6. Bảo vệ môi trường gắn với phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề

- Di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm vào các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tập trung xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Lựa chọn và hỗ trợ xây dựng các mô hình phát triển du lịch nông thôn theo các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề, du lịch trải nghiệm... mang tính đặc trưng vùng, miền.

- Phát triển năng lượng tái tạo và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong hoạt động du lịch (năng lượng mặt trời, năng lượng gió, khí sinh học, tận dụng các phế phụ phẩm) để hỗ trợ trong việc sản xuất, kinh doanh.

- Tổ chức các hoạt động lễ hội truyền thống, hội thi nhằm quảng bá, giới thiệu những nét đặc sắc văn hoá của sản phẩm làng nghề; tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi làm cơ sở xem xét công nhận nghệ nhân.

- Rà soát, hướng dẫn các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; có

công trình bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Hoàn thiện cơ chế chính sách

- Tiếp tục thực hiện các cơ chế chính sách liên quan đến hỗ trợ, đầu tư hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn do Trung ương, tỉnh ban hành: Chính sách khuyến công; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; khoa học công nghệ, tin dụng...

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện nội dung, hình thức, định mức hỗ trợ liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn do tỉnh ban hành đảm bảo phù hợp, hiệu quả, đúng quy định.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn nhà nước (Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương) theo quy định hiện hành.

2. Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án.

3. Huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Phối hợp với các Sở, ngành và địa phương rà soát, sửa đổi, bổ sung trình UBND tỉnh xem xét, ban hành cơ chế chính sách phát triển ngành nghề nông thôn; Kiến nghị những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn;

- Tham mưu các giải pháp xúc tiến kêu gọi các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực ngành nghề nông thôn gắn với các vùng nguyên liệu tập trung hoặc nâng công suất thiết kế phù hợp với nguồn nguyên liệu địa phương, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa người sản xuất, khai thác, thu mua, chế biến trên cơ sở hình thành chuỗi giá trị sản xuất, đặc biệt chú trọng các sản phẩm chủ lực, sản phẩm tiềm năng, sản phẩm OCOP của tỉnh.

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, năm năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (sau khi được sửa đổi); hướng dẫn, tạo điều kiện để các doanh nghiệp thực hiện thủ tục đầu tư các dự án vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan tham mưu, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư công (nếu có) đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất, khai thác, sơ chế, chế biến đảm bảo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính: hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát PTNT và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phương án kinh phí

thực hiện phù hợp với nhiệm vụ chi, điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì tổng hợp các nhu cầu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, lựa chọn các đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với định hướng nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ của tỉnh;

- Hướng dẫn thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm ngành nghề nông thôn theo quy định; phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với các Sở ngành và địa phương trong việc hướng dẫn, bố trí quỹ đất cho phát triển vùng nguyên liệu, mặt bằng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của lĩnh vực ngành nghề nông thôn trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Hướng dẫn việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện sản xuất, kinh doanh cho lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với làng nghề; Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền khuyến khích các ngành nghề nông thôn sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, hạn chế phát sinh chất thải và đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường, hạn chế hình thành và phát triển các loại hình ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

6. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại cho sản phẩm ngành nghề nông thôn.

- Tham mưu các nội dung liên quan đề xuất phong tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo phát triển du lịch gắn với làng nghề; khuyến khích phát triển dịch vụ và sản phẩm du lịch làng nghề.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển du lịch nông thôn, chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch nông thôn dựa trên các giá trị đặc sắc của ngành nghề nông thôn, văn hóa, không gian, lễ hội của làng nghề, làng nghề truyền thống.

- 8. Sở Thông tin và Truyền thông:** phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của phát triển ngành nghề nông thôn trong phát

triển kinh tế - xã hội; xây dựng, duy trì các chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền quảng bá trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, sàn thương mại điện tử về các sản phẩm ngành nghề nông thôn và các tour, tuyến, khu vực và sản phẩm du lịch gắn làng nghề truyền thống; hỗ trợ chuyển đổi số trong quản lý và phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: chỉ đạo, hướng dẫn đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lao động gắn với chuyển đổi nghề nghiệp; hỗ trợ đào tạo nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học cho nghề nhân, thợ giỏi và khuyến khích nghề nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo nghề cho lao động.

10. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Tĩnh: chỉ đạo các tổ chức tín dụng tập trung nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tăng cường phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo thuận lợi trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể: căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều lệ hoạt động chủ động, tích cực phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương và các cơ quan liên quan tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp và hội viên tham gia thực hiện bảo tồn và phát triển ngành nghề. Tổ chức thực hiện các hoạt động cụ thể phù hợp với nội dung, nhiệm vụ Kế hoạch; tham gia giám sát việc thực hiện theo quy định của pháp luật.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Căn cứ các mục tiêu, nội dung và giải pháp của Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn phù hợp với điều kiện của địa phương và tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

- Phổ biến, tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo quy định.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn địa phương theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; nâng cao chất lượng thẩm định và phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề và chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện phương án bảo vệ môi trường làng nghề có hiệu quả, thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với làng nghề theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Phân công trách nhiệm, rà soát chính sách, chủ động bố trí nguồn vốn tham gia thực hiện các nội dung của Kế hoạch. Tổ chức triển khai giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện.

(kèm theo danh mục nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Kế hoạch)

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Định kỳ trước ngày 15/12 hàng năm các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, đơn vị liên quan tiến hành đánh giá và báo cáo kết quả

thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, theo dõi.

2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn và triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung nêu trên. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, khó khăn, các đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, tham mưu, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; (b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TC, KHĐT, KH&CN, CT, LĐT&XH, TN&MT, TT&TT, VH&DL;
- Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hà Tĩnh;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Chánh VP, các PCV UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NL₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh